

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST

Ngày: 17- 01 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Vẽ.

2. Bà Trần Thị Như Ý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hải Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2017/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2017/QĐ-HSST ngày 27 tháng 12 năm 2017, đối với bị cáo:

Đinh Hữu T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1982 tại Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình; tạm trú tại: Thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân N và bà Đinh Thị H, chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Học xong lớp 12/12, ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2011 thành lập và làm Giám đốc Công ty TNHH X tại thành phố Đ cho đến ngày phạm tội; bị bắt, tạm giam từ ngày 24/01/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông Đinh Quang T, sinh năm 1954, nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Trần Thị Hoài T, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Anh Cao Văn H, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Trần Thị Minh Th, sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Ông Lê Văn B, sinh năm 1967, nơi cư trú: Thôn 2 T, xã Th, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Ông Đinh Xuân N, sinh năm 1955, nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Anh Đinh Mạnh L, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Chị Từ Thị Th, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Chị Đinh Thị Đ, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân, mặc dù không có khả năng để xin việc nhưng Đinh Hữu T đã đưa ra thông tin gian dối hứa hẹn xin việc cho một số người có nhu cầu về việc làm. Từ năm 2014 đến tháng 01/2017 Đinh Hữu T đã thực hiện 05 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Đồng Hới, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Do có quan hệ quen biết với chị Đinh Thị Thanh Đ (là giáo viên tại Trường Tiểu học H, huyện M, tỉnh Quảng Bình), Đinh Hữu T đã nhiều lần giới thiệu với chị Đ là bản thân có mối quan hệ quen biết rộng với nhiều người có chức quyền, có thể xin được việc làm. Đồng thời, gợi ý chị Đ nếu có nhu cầu xin việc T sẽ lo cho với giá từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Đinh Thị Thanh Đ kể chuyện cho chị Trần Thị Hoài T (nhân viên hợp đồng tại trường nội trú M) về việc T có khả năng xin việc nên chị T xin số điện thoại của T để liên lạc xem sao. Trần Thị Hoài T đã liên lạc được với T và T hứa sẽ xin việc cho Trần Ngọc N (em trai chị T) vào làm y tế học đường ở huyện L với giá 160.000.000 đồng. Sau khi trao đổi, T yêu cầu chị T nộp hồ sơ và một nửa số tiền để T sẽ chạy việc cho em trai chị T. Khoảng đầu tháng 7/2014, chị T gửi chị Đinh Thị Thanh Đ số tiền 70.000.000 đồng nhờ đưa cho T. Khoảng 1 tuần sau, T điện thoại bảo đưa số tiền còn lại nếu không họ sẽ không nhận. T đồng ý nhưng trình bày quá khó khăn nên T giảm cho 10.000.000 đồng. Ngày 23/7/2014 chị T tiếp tục nhờ Đ chuyển tiền cho T qua số tài khoản của Đinh Thị Thanh Đ số tiền 80.000.000 đồng. Tổng cộng, T đã giao cho T 150.000.000 đồng và 02 bộ hồ sơ xin việc của Trần Ngọc N. Sau khi nhận số tiền trên, T không xin việc cho em trai chị T và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ 2: Khoảng cuối năm 2014, anh Cao Văn H ở thôn V, xã H, huyện Minh Hóa thông qua chị Đinh Thị Thanh Đ, nghe thông tin Đinh Hữu T có khả năng xin được việc nên đã gọi điện thoại hỏi. Qua trao đổi, T hứa sẽ xin được việc cho H tại Q

với giá 160.000.000 đồng. T yêu cầu và H trước mắt đưa 80.000.000 đồng và nộp hồ sơ để tham gia thi tuyển công chức. Ngày 25/11/2014, tại một quán cà phê ở thành phố Đ, anh H đã giao cho T số tiền 80.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc. Sau khi tham gia thi tuyển công chức tại huyện Q, ngày 05/02/2015 T yêu cầu và H đã đưa thêm 10.000.000 đồng để lo quà cáp nhưng thực tế T vẫn không liên hệ và nhờ ai can thiệp trong việc thi tuyển của anh H. Khi anh H có kết quả thi không đạt, T bảo anh H đưa thêm 70.000.000 đồng để T lo việc với lý do “Họ sẽ đẩy người khác đi để thế H vào”. Ngày 15/5/2015 tại Quán H Đồng Hới, anh H tiếp tục đưa thêm cho T 70.000.000 đồng. Số tiền trên T đã sử dụng cá nhân hết. Sau hơn 1 năm không có kết quả, H điện thoại liên lạc nhiều lần cho T nhưng không gặp được. Anh H đã đến nhà bố đẻ T là ông Đinh Xuân N ở thôn T, xã M, Quảng Bình để đòi nợ. Ngày 26/6/2016 ông N đã trả lại cho H 90.000.000 đồng, còn lại số tiền Đinh Hữu T chiếm đoạt là 70.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Ông Lê Văn B trú tại T, huyện L có con gái là Lê Thị Hoài Th đã tốt nghiệp Cao đẳng kế toán. Thông qua vợ chồng em ruột của vợ là Nguyễn Quang H và Từ Thị Th, biết Đinh Hữu T có khả năng xin được việc cho con gái. Ông B đã nhờ anh H liên lạc với T để xin việc. T hứa sẽ xin cho con gái ông B làm kế toán tại Bệnh viện huyện B, với giá 180.000.000 đồng. Ngày 10/4/2016, T hẹn gặp ông B và anh H tại thị trấn Nông Trường L thuộc xã S, huyện L để nhận hồ sơ và tiền. Tại đây, ông B đã giao cho T 01 bộ hồ sơ mang tên Lê Thị Hoài Th và số tiền 80.000.000 đồng. Khoảng 1 tháng sau, T điện thoại cho ông B nói phải chồng tiền đủ mới sớm có quyết định, nếu không người khác sẽ chen vào. Ngày 06/5/2016 T lên xã H, huyện L gặp ông B và anh H, ông B giao cho T số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tổng số tiền 180.000.000 đồng. T đưa hồ sơ về cất giữ tại nhà trọ ở xã B, thành phố Đ còn số tiền tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ 4: Khoảng cuối năm 2016, Đinh Hữu T gặp và làm quen với chị Trần Thị Minh Th trú tại thôn T, phường N, thành phố Đ. Biết chị Th có em gái là Trần Thị Hồng T học điều dưỡng ra trường chưa có việc làm. T giới thiệu với Th sẽ giúp xin việc cho em của Th, trước mắt đưa 01 bộ hồ sơ xin việc và một ít tiền để T chạy cho T vào làm y tế tại Đ. Cuối tháng 12/2016, Chị Th đã giao cho T 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Th và số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó vài ngày T liên tục gọi điện bảo chị Th đưa thêm 100.000.000 đồng để lấy quyết định. Do nghi ngờ bị lừa nên chị Th không đưa tiền cho T nữa. Số tiền 10.000.000 đồng chiếm đoạt được T sử dụng cá nhân hết.

Vụ thứ 5: Đầu tháng 01/2017, ông Đinh Quang T trú tại thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình được chị Hoàng Thị A trú tại xã P, huyện Q cho ông T số điện thoại của T, đồng thời giới thiệu T là người có thể xin được việc làm. Ông T đã điện thoại gặp T nhờ xin việc cho con gái là Đinh Thị Phương Th. T giới thiệu ở Đ có 2 suất vào dạy tiểu học, hiện ở trường H đã nhận rồi, còn một suất ở trường N với giá 150.000.000 đồng. T hẹn ông T vào Đ mang theo 01 bộ hồ sơ không cần công chứng kèm theo 20.000.000 đồng. Ngày 04/01/2017, ông T mang hồ sơ và tiền vào Đ. Khi xe đến B, T điện thoại hẹn ông T xuống ngã tư B rồi T đi xe máy đến. Ông T đưa cho T 01 bộ hồ sơ xin việc và 20.000.000 đồng. Lúc nhận tiền T viết giấy biên nhận mang tên Đặng

Hữu T. Sau một tuần ông T điện thoại liên lạc cho T nhưng không được. Ngày 12/01/2017 ông T liên lạc được với T, T nói với ông T “bên xin việc họ đã đồng ý nhưng họ bảo trước mắt phải nộp đủ 2/3 số tiền xin việc” và nộp thêm 01 bộ hồ sơ có công chứng. Thời gian sau đó T liên tục gọi điện giục ông T mang tiền vào đưa cho T, nếu không họ sẽ chèn người khác vào. Ngày 24/01/2017, ông Th vào quán cà phê N ở thành phố Đ để đưa tiền cho T, T thay đổi địa điểm hẹn gặp tại khu vực Ngân hàng V. Do nghi ngờ bị lừa đảo, trước lúc đến điểm hẹn ông T trình báo Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Bình. Lúc 17h15 phút ngày 24/01/2017 tại khu vực Ngân hàng V, Đ, khi Đinh Hữu T đang nhận số tiền 60.000.000 đồng và viết giấy biên nhận tiền thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình phát hiện và lập biên bản bắt quả tang.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình đã thu giữ 01 tờ giấy kẻ ngang nội dung Đinh Hữu T ghi giấy biên nhận tiền, lấy họ tên là Đặng Hữu T và 60.000.000 đồng khi bắt quả tang; thu giữ 06 bộ hồ sơ xin việc, 190.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của T; thu giữ một số giấy tờ liên quan đến việc T nhận tiền từ các bị hại; thu giữ 110.000.000 đồng do ông Đinh Xuân N là bố của T nộp khắc phục hậu quả.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả lại số tiền 360.000.000 đồng cho những người bị hại gồm: ông Đinh Quang T 80.000.000 đồng, chị Trần Thị Hoài T 102.000.000 đồng, anh Cao Văn H 48.000.000 đồng, anh Lê Văn B 123.000.000 đồng và chị Trần Thị Minh Th 7.000.000 đồng.

Đối với 06 bộ hồ sơ xin việc và giấy tờ liên quan việc Đinh Hữu T nhận tiền được đưa vào hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 66/THQCT-KSĐT-KT ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố bị cáo Đinh Hữu T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu lời luận tội, chứng minh và phân tích hành vi phạm tội mà bị cáo Đinh Hữu T đã thực hiện, giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Đinh Hữu T từ 05 năm đến 07 năm tù; buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho người bị hại số tiền còn lại chưa bồi thường.

Tại phiên tòa bị cáo Đinh Hữu T thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố, xin giảm nhẹ hình phạt. Những người bị hại có mặt tại phiên tòa như ông Đinh Quang Th, chị Trần Thị Hoài T, anh Cao Văn H đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đồng

Hới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Đinh Hữu T khai nhận hành vi phạm tội của mình đã thực hiện: Mặc dù không có khả năng xin việc làm nhưng Đinh Hữu T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có thể xin được việc làm để chiếm đoạt tài sản của những người bị hại như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có cơ sở xác định: Khoảng từ năm 2014 đến tháng 01/2017 Đinh Hữu T đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có thể xin được việc làm để người bị hại tin tưởng đó là sự thật, để thực hiện 05 vụ chiếm đoạt tài sản của 05 người trên địa bàn, chiếm đoạt tổng số tiền 490.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Đinh Hữu T chiếm đoạt số tiền 490.000.000 đồng phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và bị xét xử theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 như truy tố của Viện kiểm sát.

[3] Xét tính chất nguy hiểm, mức độ hậu quả của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của Đinh Hữu T đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng, bất bình trong nhân dân, làm mất ổn định an ninh trật tự, trị an xã hội trên địa bàn. Trong vụ án này Đinh Hữu T đã thực hiện 05 vụ chiếm đoạt tài sản của 05 người trên địa bàn chiếm đoạt tổng số tiền 490.000.000 đồng, nên còn bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi phạm tội của Đinh Hữu T cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện qua việc thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo có thái độ ăn năn hối cải với sai phạm của bản thân, được người bị hại ghi nhận nên được những người bị hại có mặt tại phiên tòa như ông T, anh H, chị T đều có chung ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chiếu cố giảm nhẹ về hình phạt đối với bị cáo; sau khi phạm tội chiếm đoạt tài sản của người bị hại, bị cáo đã phối hợp với gia đình bồi thường một cách đáng kể số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại với tổng số tiền 360.000.000 đồng để bồi thường cho những người bị hại gồm: ông Đinh Quang T 80.000.000 đồng, chị Trần Thị Hoài T 102.000.000 đồng, anh Cao Văn H 48.000.000 đồng, anh Lê Văn B 123.000.000 đồng và chị Trần Thị Minh Th 7.000.000 đồng. Về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt từ trước đến nay chưa có sai phạm gì, chưa có tiền án, tiền sự. Bản thân bị cáo trong đợt bảo lũ năm 2016 đã có tinh thần xung kích trong việc cứu hộ, cứu nạn người gặp nạn trong đợt thiên tai,

được người dân và chính quyền địa phương xác nhận. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này để xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng mức, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự, như ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và ý kiến đề nghị giảm nhẹ của những người bị hại có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này còn có hành vi của Đinh Thị Thanh Đ, Hoàng Thị A, Từ Thị Th và Nguyễn Quang H là những người giới thiệu T cho các bị hại, nhưng không biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T, không hưởng lợi nên không phạm tội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo phối hợp với gia đình bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền 360.000.000 đồng, gồm ông Đinh Quang T số tiền 80.000.000 đồng, chị Trần Thị Hoài T số tiền 102.000.000 đồng, anh Cao Văn H số tiền 48.000.000 đồng, anh Lê Văn B số tiền 123.000.000 đồng và chị Trần Thị Minh Th số tiền 7.000.000 đồng.

Số tiền còn lại chưa bồi thường cho các người bị hại tổng cộng 130.000.000 đồng, cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại chị Trần Thị Hoài T số tiền 48.000.000 đồng, anh Cao Văn H số tiền 22.000.000 đồng, anh Lê Văn B số tiền 57.000.000 đồng, chị Trần Thị Minh Th số tiền 3.000.000 đồng.

Đối với số tiền ông Đinh Xuân N là bố của T nộp 110.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa ông N cho rằng ông và gia đình tự nguyện bồi thường thay cho con và không có yêu cầu hoàn trả nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Đinh Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đinh Hữu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 42; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1- Xử phạt: Đinh Hữu T 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/01/2017.

Quyết định tạm giam bị cáo Đinh Hữu T 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

2- Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đinh Hữu T phải tiếp tục bồi thường số tiền 130.000.000 đồng, để bồi thường cho các bị hại sau:

- Chị Trần Thị Hoài T số tiền 48.000.000 đồng;
- Anh Cao Văn H số tiền 22.000.000 đồng;
- Anh Lê Văn B số tiền 57.000.000 đồng;
- Chị Trần Thị Minh Th số tiền 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015).

Trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Đinh Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2018); bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Công an TP Đồng Hới;
- THA dân sự TP Đồng Hới;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải